



QUANGNAM

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CAO SU QUẢNG NAM

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

QUÝ IV NĂM 2016

Tháng 01 năm 2017

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CAO SU QUẢNG NAM

Thôn Phú Sơn, Xã Ba, Huyện Đông Giang, Tỉnh Quảng Nam

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

MẪU B 01-DN

Ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2016	31/12/2015
A TÀI SẢN NGẮN HẠN (100=110+120+130+140+150)	100		159.442.652.691	1.372.285.489.831
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	1.434.940.190	389.875.883.851
1. Tiền	111		1.434.940.190	22.875.883.851
2. Các khoản tương đương tiền	112			367.000.000.000
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	V.2	86.000.000	9.610.311.000
1. Chứng khoán kinh doanh	121		350.000.000	10.632.280.522
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		(264.000.000)	(1.021.969.522)
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		138.447.716.350	948.605.209.885
1. Phải thu khách hàng	131	V.3	38.365.981.135	150.515.303.746
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		48.307.673.923	395.691.719.852
3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	147.474.200.000
4. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.4	73.262.411.621	264.848.733.897
5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	137		(21.488.350.329)	(9.924.747.610)
IV. Hàng tồn kho	140	V.5	16.566.137.192	21.033.841.192
1. Hàng tồn kho	141		16.566.137.192	21.033.841.192
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		2.907.858.959	3.160.243.903
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		47.000.000	8.000.000
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		2.828.775.068	3.120.160.012
3. Thuế và các khoản phải thu nhà nước	153		32.083.891	32.083.891
4. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-
B TÀI SẢN DÀI HẠN (200 = 210+220+240+250+260)	200		1.486.119.413.195	433.063.312.638
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
1. Phải thu dài hạn khác	216		-	-
II. Tài sản cố định	220		33.924.689	199.986.709
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.6	33.924.689	160.454.451
- Nguyên giá	222		3.490.611.849	3.490.611.849
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(3.456.687.160)	(3.330.157.398)
2. Tài sản cố định vô hình	227	V.7	-	39.532.258
- Nguyên giá	228		675.311.099	675.311.099
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		(675.311.099)	(635.778.841)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
- Nguyên giá	231	V.8	-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	232		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		8.910.019.214	11.003.624.811
1. Chi phí sản xuất, KD dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.9	8.910.019.214	11.003.624.811
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		1.477.175.469.292	421.859.701.118
1. Đầu tư vào công ty con	251	V.10	827.052.302.659	260.000.000.000
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252	V.11	633.340.400.000	164.240.643.620
3. Đầu tư dài hạn khác	253		19.000.000.000	-
3. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn (*)	254		(2.217.233.367)	(2.380.942.502)
VI. Tài sản dài hạn khác	260		-	-
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.12	-	-
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		1.645.562.065.886	1.805.348.802.469

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CAO SU QUẢNG NAM

Thôn Phú Sơn, Xã Ba, Huyện Đông Giang, Tỉnh Quảng Nam

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)**MẪU B 01-DN**

Ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2016	31/12/2015
A. NỢ PHẢI TRẢ (300=310+330)	300		8.638.272.871	168.859.608.622
I. Nợ ngắn hạn	310		3.862.880.451	168.859.608.622
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.13	1.590.941.848	2.256.466.615
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		152.918.854	96.972.955.180
3. Thuế và khoản phải nộp Nhà nước	313	V.14	797.152.256	8.744.414.926
4. Phải trả người lao động	314		99.547.884	106.427.994
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.15	59.671.511	150.000.000
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.16	215.602.432	630.080.474
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.17	-	59.496.217.767
8. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		947.045.666	503.045.666
II. Nợ dài hạn	330		4.775.392.420	-
1. Phải trả dài hạn người bán	331		-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả dài hạn khác	337		-	-
6. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338		-	-
7. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
8. Dự phòng phải trả dài hạn	342		4.775.392.420	-
9. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-
B. NGUỒN VỐN (400=410+430)	400		1.636.923.793.015	1.636.489.193.847
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.18	1.636.923.793.015	1.636.489.193.847
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		1.500.000.000.000	1.500.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		1.500.000.000.000	1.500.000.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		49.666.628.000	49.666.628.000
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5. Cổ phiếu quỹ (*)	415		(32.582.949.816)	(32.582.949.816)
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		-	-
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		119.840.114.831	119.405.515.663
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		118.905.515.663	34.136.010.377
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		934.599.168	85.269.505.286
12. Nguồn vốn đầu tư XDCB	422		-	-
II. Nguồn kinh phí	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	432		-	-
2. Nguồn kinh phí hình thành TSCĐ	433		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300+ 400)	440		1.645.562.065.886	1.805.348.802.469

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CAO SU QUẢNG NAM

Thôn Phú Sơn, Xã Ba, Huyện Đông Giang, Tỉnh Quảng Nam

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)**MẪU B 01-DN**

Ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
1. Tài sản thuê ngoài		-	-
2. Vật tư; hàng hóa nhận giữ hộ; nhận gia công		-	-
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược		-	-
4. Nợ khó đòi đã xử lý		-	-
5. Ngoại tệ các loại (USD)		25.66	25.66
6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án		-	-

Quảng Nam; ngày 24 tháng 01 năm 2017

**VŨ ANH TUẤN**
Tổng Giám đốc**LÊ KHIẾU PHƯƠNG**
Kế toán trưởng**TRƯƠNG VĂN THỊNH**
Người lập biểu

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CAO SU QUẢNG NAM

Thôn Phú Sơn, Xã Ba, Huyện Đông Giang, Tỉnh Quảng Nam

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Quý IV năm 2016

MẤU B 02-DN

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Quý IV		Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
			Năm 2016	Năm 2015	Năm 2016	Năm 2015
1. Doanh thu cung cấp hàng hóa và dịch vụ	01	VI.1	4.498.800.000	215.855.755.000	969.746.050.000	496.496.068.900
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.1	-	-	-	-
3. Doanh thu thuần từ hàng hóa và dịch vụ (10 = 01 - 02)	10	VI.1	4.498.800.000	215.855.755.000	969.746.050.000	496.496.068.900
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	4.467.704.000	216.038.474.000	970.018.204.000	496.352.151.350
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp DV (20 = 10 - 11)	20	VI.3	31.096.000	(182.719.000)	(272.154.000)	143.917.550
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.4	14.420.084.088	9.033.265.160	53.926.633.699	114.659.293.484
7. Chi phí hoạt động tài chính	22	VI.4	(1.282.046.058)	(14.890.211.872)	31.154.080.540	15.341.613.098
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		80.807.077	1.782.444.621		6.600.457.551
8. Chi phí bán hàng	24		18.829.514	-	147.702.420	393.489.090
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		11.544.312.956	1.128.815.485	15.030.594.668	4.361.219.735
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - (24 + 25)}	30	VI.5	4.170.083.676	22.611.942.547	7.322.102.071	94.706.889.111
11. Thu nhập khác	31		-	3.725.000.000	-	842.589.685
12. Chi phí khác	32		3.641.224.749	4.844.021.061	4.565.220.045	1.587.754.979
13. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		(3.641.224.749)	(1.119.021.061)	(4.565.220.045)	(745.165.294)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		528.858.927	21.492.921.486	2.756.882.026	93.961.723.817
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51		1.191.879.179	4.883.473.503	1.822.282.858	8.692.218.531
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-	-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51 - 52)	60		(663.020.252)	16.609.447.983	934.599.168	85.269.505.286
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70		(4)	111	6	855

Quảng Nam ngày 24 tháng 01 năm 2017



(Signature)

LÊ KHIẾU PHƯƠNG
Kế toán trưởng

(Signature)

TRƯƠNG VĂN THỊNH
Người lập biểu

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CAO SU QUẢNG NAM

Thôn Phú Sơn, Xã Ba, Huyện Đông Giang, Tỉnh Quảng Nam

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

MẪU B 03-DN

Quý IV năm 2016


Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Từ 01/01/2016 đến 31/12/2016	Từ 01/01/2015 đến 31/12/2015
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
Lợi nhuận trước thuế	1	2.756.882.026	93.961.723.817
Điều chỉnh cho các khoản:			
Khấu hao TSCĐ	2	166.062.020	974.585.629
Các khoản dự phòng	3	10.641.924.062	2.318.784.534
Lãi lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	4	-	-
Lãi lỗ từ hoạt động đầu tư	5	(27.433.028.102)	(113.623.574.510)
Chi phí lãi vay	6	5.322.839.169	6.600.457.551
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn	8	(8.545.320.825)	(9.768.022.979)
Tăng giảm các khoản phải thu	9	380.037.017.319	(453.226.767.372)
Tăng giảm hàng tồn kho	10	4.467.704.000	(20.652.500.342)
Tăng giảm các khoản phải trả	11	(97.586.601.375)	56.230.221.663
Tăng giảm chi phí trả trước	12	(39.000.000)	3.016.021
Tăng giảm chứng khoán kinh doanh	13	10.282.280.522	(10.252.124.000)
Tiền lãi vay đã trả	14	(5.263.167.658)	(6.600.457.551)
Thuế TNDN đã nộp	15	(10.253.986.548)	(7.479.637.683)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	-	-
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(56.000.000)	(19.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	273.042.925.435	(451.765.272.243)
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	-	-
Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	4.097.500.000	-
Tiền chi cho vay và mua các công nợ của đơn vị khác	23	(147.969.000.000)	(167.760.000.000)
Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	282.669.000.000	43.410.000.000
Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(1.053.104.276.850)	-
Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	285.916.591.000	135.742.939.720
Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	21.627.142.101	60.687.459.676
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(606.763.043.749)	72.080.399.396
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp (*)	31	-	749.822.100.000
Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32	-	(32.582.949.816)
Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	140.786.850.499	108.521.999.107
Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(195.507.675.846)	(113.231.911.268)
Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(54.720.825.347)	712.529.238.023
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50	(388.440.943.661)	332.844.365.176
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	389.875.883.851	57.031.518.675
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	-	-
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	1.434.940.190	389.875.883.851

Quảng Nam, ngày 24 tháng 01 năm 2017


VŨ ANH TUẤN
 Tổng Giám đốc


LÊ KHIẾU PHƯƠNG
 Kế toán trưởng


TRƯƠNG VĂN THỊNH
 Người lập biểu

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CAO SU QUẢNG NAM

Thôn Phú Sơn, Xã Ba, Huyện Đông Giang, Tỉnh Quảng Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

MẪU B 09-DN

I. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Công ty Cổ phần Đầu tư Cao su Quảng Nam (sau đây gọi tắt là “Công ty”) là Công ty Cổ phần được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 33030700039 ngày 14 tháng 07 năm 2003 của Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Quảng Nam (từ ngày thành lập đến nay Công ty đã có 15 lần điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và lần điều chỉnh gần nhất vào ngày 25 tháng 11 năm 2015 với giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh mới số 4000386181). Công ty là đơn vị hạch toán độc lập; hoạt động sản xuất kinh doanh theo Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy định pháp lý hiện hành có liên quan.

Ngành nghề kinh doanh

Sản xuất dây cáp; sợi cáp quang học; Sản xuất thiết bị dây dẫn điện các loại; Sản xuất; truyền tải và phân phối điện (Chi tiết: thủy điện, sản xuất điện khác (điện phong)...); Sản xuất sản phẩm từ plastic (Chi tiết: sản xuất ống nhựa cứng, ống nhựa mềm); Xây dựng công trình dân dụng, giao thông, kỹ thuật; Kinh doanh bất động sản; quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê; Khai thác đá; cát; sỏi; đất sét; Trồng cây cao su; Khai thác gỗ; Khai thác quặng đồng; Khai thác quặng sắt; Sản xuất linh kiện điện tử (Chi tiết: sản xuất các thiết bị điện thoại); Sản xuất thủy tinh và sản phẩm từ thủy tinh; Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông (Chi tiết: bán buôn các thiết bị điện tử, viễn thông, thiết bị điện tử điều khiển, thiết bị phát sóng, linh kiện điện thoại); Trồng rừng và chăm sóc rừng lấy gỗ; Sản xuất dây, cáp điện và điện tử khác; Sản xuất xi măng, vôi và thạch cao; Sản xuất sản phẩm khác từ plastic; Sản xuất bột giấy, giấy và bìa; Sản xuất sản phẩm chịu lửa; Sản xuất sản phẩm gốm sứ khác; Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ xi măng và thạch cao; Bán buôn kim loại và quặng kim loại; Sản xuất cao su tổng hợp dạng nguyên sinh; Sản xuất kim loại màu và kim loại quý; Bán buôn thiết bị điện lạnh, điện cơ; Sản xuất phân bón và hợp chất ni to; Bán buôn giấy các loại; Hoạt động viễn thông có dây; Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét; Hoạt động viễn thông không dây; Tìm kiếm, thăm dò, khai thác khoáng sản (trừ khoáng sản cấm)...

Trụ sở chính Công ty tại: Thôn Phú Sơn; Xã Ba; Huyện Đông Giang; Quảng Nam.

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán và nguyên tắc, phương pháp chuyển đổi các đồng tiền khác

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là đồng Việt Nam (VND).

Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ. Tại thời điểm cuối năm; các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá mua vào của ngân hàng thương mại công bố vào ngày kết thúc niên độ kế toán.

Chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ tại thời điểm cuối năm được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành theo Thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 Năm 2014 Bộ Tài chính; các Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành và các văn bản sửa đổi; bổ sung; hướng dẫn thực hiện kèm theo.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính kèm theo

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CAO SU QUẢNG NAM

Thôn Phú Sơn; Xã Ba; Huyện Đông Giang; Tỉnh Quảng Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Cho kỳ tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán. Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

3. Hình thức kế toán áp dụng

Công ty sử dụng hình thức nhật ký chung.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG CHỦ YẾU

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được trình bày theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam. Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định khác về kế toán hiện hành tại Việt Nam.

2. Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam. Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam yêu cầu Ban Tổng Giám đốc có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu về công nợ; tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày kết thúc niên độ kế toán cũng như các số liệu về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Số liệu phát sinh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

3. Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tài sản tài chính được phân loại một cách phù hợp cho mục đích thuyết minh trong Báo cáo tài chính bao gồm các nhóm: tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn; các khoản phải thu, tài sản tài chính sẵn sàng để bán. Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu; tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua; phát hành tài sản tài chính đó.

Tài sản tài chính của Công ty gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản đầu tư ngắn hạn; phải thu khách hàng, các khoản phải thu khác và ký quỹ ngắn hạn.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính được phân loại một cách phù hợp cho mục đích thuyết minh trong Báo cáo tài chính bao gồm các nhóm: nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh; các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ. Việc phân loại các khoản nợ tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay và nợ ngắn hạn và phải trả người bán.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau khi ghi nhận ban đầu.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CAO SU QUẢNG NAM

Thôn Phú Sơn; Xã Ba; Huyện Đông Giang; Tỉnh Quảng Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Cho kỳ tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

4. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng; có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm lập Báo cáo.

5. Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

Các khoản phải thu được trình bày trên Báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác.

6. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua; chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện là giá bán ước tính trừ đi chi phí ước tính để hoàn thành hàng tồn kho và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Giá gốc hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập khi giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho nhỏ hơn giá gốc. Việc trích lập dự phòng thực hiện theo Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính.

7. Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, phù hợp với hướng dẫn theo Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 4 năm 2013 của Bộ Tài chính, cụ thể như sau:

<u>Loại tài sản</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	10
Máy móc, thiết bị	6 – 10
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	3 – 6
Thiết bị dụng cụ quản lý	3 – 5
Tài sản cố định khác	3 – 7

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ.

8. Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất được ghi nhận là tài sản cố định vô hình khi Công ty được Nhà nước giao đất có thu tiền sử dụng đất và được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CAO SU QUẢNG NAM

Thôn Phú Sơn; Xã Ba; Huyện Đông Giang; Tỉnh Quảng Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Cho kỳ tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

Nguyên giá là Tài sản cố định vô hình là quyền sử dụng đất được xác định là toàn bộ các khoản tiền chi ra để có quyền sử dụng đất hợp pháp cộng với các chi phí cho đền bù; giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ....

Quyền sử dụng đất không có thời hạn thì không tính khấu hao.

Các tài sản cố định vô hình khác là phần mềm kế toán được phản ánh theo nguyên giá trừ đi khấu hao lũy kế.

Khấu hao của tài sản cố định vô hình này được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản. Tỷ lệ khấu hao phù hợp với Thông tư số 203/2009/TT-BTC ngày 20 tháng 10 năm 2009 và Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 04 năm 2013 của Bộ Tài chính.

<u>Loại tài sản</u>	<u>Số năm</u>
Phần mềm máy tính	3

9. Bất động sản đầu tư

Nguyên giá

Nguyên giá bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí mà Công ty bỏ ra để có được tài sản tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá của bất động sản đầu tư nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí trong kỳ.

Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của bất động sản đầu tư. Mức khấu hao phù hợp với Thông tư số 203/2009/TT-BTC ngày 20 tháng 10 năm 2009 và Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 04 năm 2013 của Bộ Tài chính.

10. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn

Các khoản đầu tư tài chính dài hạn thể hiện các khoản đầu tư vào công ty con và công ty liên kết được ghi nhận theo giá gốc.

11. Chi phí trả trước dài hạn

Chi phí trả trước dài hạn phản ánh các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều niên độ kế toán. Chi phí trả trước dài hạn được phân bổ trong khoảng thời gian mà lợi ích kinh tế được dự kiến tạo ra.

12. Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

13. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay trong giai đoạn đầu tư xây dựng các công trình xây dựng cơ bản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó. Khi công trình hoàn thành thì chi phí đi vay được tính vào chi phí tài chính trong kỳ.

Tất cả các chi phí đi vay khác được ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ khi phát sinh.

14. Nguồn vốn kinh doanh

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CAO SU QUẢNG NAM

Thôn Phú Sơn; Xã Ba; Huyện Đông Giang; Tỉnh Quảng Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Cho kỳ tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

Nguồn vốn kinh doanh của Công ty bao gồm:

- Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư của các cổ đông;
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận còn lại tại thời điểm kết thúc niên độ kế toán từ các hoạt động kinh doanh của Công ty.

15. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trong trường hợp giao dịch về các dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ kế toán. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Lãi tiền gửi ngân hàng, lãi cho vay

Lãi tiền gửi ngân hàng; lãi cho vay được ghi nhận khi tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

Cổ tức

Cổ tức được ghi nhận khi quyền được nhận khoản thanh toán cổ tức của Công ty được xác lập; ngoài trừ cổ tức ghi nhận bằng cổ phiếu chỉ theo dõi số lượng mà không được ghi nhận là doanh thu.

16. Ghi nhận chi phí

Chi phí được ghi nhận theo thực tế phát sinh trên nguyên tắc phù hợp với doanh thu trong kỳ.

17. Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CAO SU QUẢNG NAM

Thôn Phú Sơn; Xã Ba; Huyện Đông Giang; Tỉnh Quảng Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Cho kỳ tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên Báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp Bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trừ trường hợp khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu. Trong trường hợp đó; thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

18. Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty trước khi trích lập quỹ khen thưởng; phúc lợi cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

19. Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

1. Tiền

	Đơn vị tính: VND	
	31/12/2016	31/12/2015
Tiền mặt	12.727.490	1.168.669.446
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	1.422.212.700	21.707.214.405
Các khoản tương đương tiền	-	367.000.000.000
Cộng	1.434.940.190	389.875.883.851

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CAO SU QUẢNG NAM

Thôn Phú Sơn; Xã Ba; Huyện Đông Giang; Tỉnh Quảng Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Cho kỳ tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

2. Các khoản phải thu ngắn hạn

	<u>31/12/2016</u>	<u>31/12/2015</u>
Phải thu ngắn hạn khách hàng	38.365.981.135	150.515.303.746
Phải thu dài hạn khách hàng	-	-
Phải thu của khách hàng là các bên liên quan	-	-
Cộng	<u>38.365.981.135</u>	<u>150.515.303.746</u>

3. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn

	<u>31/12/2016</u>	<u>31/12/2015</u>
Chứng khoán kinh doanh		
Cổ phiếu	350.000.000	10.632.280.522
Cộng	<u>350.000.000</u>	<u>10.632.280.522</u>
Dự phòng giảm giá cổ phiếu (i)	(264.000.000)	(1.021.969.522)
Chứng khoán kinh doanh thuần	<u>86.000.000</u>	<u>9.610.311.000</u>

4. Các khoản phải thu ngắn hạn khác

	<u>31/12/2016</u>	<u>31/12/2015</u>
Công ty CP Công nghiệp Cao su Quảng Nam	110.014.003	17.031.958.447
Công ty CP Đầu tư DEVELUYN	-	5.620.869.241
Phải thu về chuyển nhượng CP Cty CP DEVELUYN	-	100.000.000.000
Tạm ứng	-	1.100.789.917
Cầm cố; ký quỹ; ký cược ngắn hạn	33.000.000	134.048.958
Cty CP Khoáng sản Quảng Nam	700.000.000	133.586.586.220
Phải thu lãi cho vay ngắn hạn	-	6.139.972.221
Phải thu về chuyển nhượng Cty CP Thủy Sản Viễn Đông	71.750.000.000	-
Phải thu khác	669.397.618	1.234.508.893
Cộng	<u>73.262.411.621</u>	<u>264.848.733.897</u>

Phải thu là các bên có liên quan

	<u>31/12/2016</u>	<u>31/12/2015</u>
Cty CP Khoáng sản Quảng Nam	700.000.000	133.586.586.220
Công ty CP Công nghiệp Cao su Quảng Nam	110.014.003	17.031.958.447

5. Hàng tồn kho

	<u>31/12/2016</u>	<u>31/12/2015</u>
Nguyên liệu, vật liệu	-	-
Hàng hóa	16.566.137.192	21.033.841.192
Cộng	<u>16.566.137.192</u>	<u>21.033.841.192</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CAO SU QUẢNG NAM

Thôn Phú Sơn; Xã Ba; Huyện Đông Giang; Tỉnh Quảng Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Cho kỳ tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

6. Tài sản cố định hữu hình

Nguyên giá	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Thiết bị văn phòng	Phương tiện vận tải truyền đẫn	Tài sản cố định khác	Cộng
Số đầu kỳ	-	1.279.988.531	305.877.168	-	1.904.746.150	3.490.611.849
Tăng trong kỳ	-	-	-	-	-	-
Giảm trong kỳ	-	-	-	-	-	-
<i>Thanh lý, nhượng bán</i>	-	-	-	-	-	-
<i>Giảm khác (*)</i>	-	-	-	-	-	-
Số cuối kỳ	-	1.279.988.531	305.877.168	-	1.904.746.150	3.490.611.849
Giá trị mòn lũy kế						
Số đầu kỳ	-	1.126.599.109	298.812.139	-	1.904.746.150	3.330.157.398
Tăng trong kỳ	-	119.464.733	7.065.029	-	-	126.529.762
<i>Khấu hao trong kỳ</i>	-	<i>102.664.483</i>	<i>7.065.029</i>	-	-	109.729.512
Giảm trong kỳ	-	-	-	-	-	-
<i>Thanh lý, nhượng bán</i>	-	-	-	-	-	-
<i>Giảm khác</i>	-	-	-	-	-	-
Số cuối kỳ	-	1.246.063.842	305.877.168	-	1.904.746.150	3.456.687.160
Giá trị còn lại						
Số đầu kỳ	-	153.389.422	7.065.029	-	-	160.454.451
Số cuối kỳ	-	33.924.689	-	-	-	33.924.689

Nguyên giá TSCĐ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại thời điểm 31/12/2016 là 2.156.986.955 đồng.

Giá trị còn lại của TSCĐ cầm cố, thế chấp tại thời điểm 31/12/2016 là 0 đồng.



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CAO SU QUẢNG NAM

Thôn Phú Sơn, Xã Ba, Huyện Đông Giang, Tỉnh Quảng Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Cho kỳ tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

7. Tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất	Phần mềm kế toán	Cộng
Nguyên giá			
Số đầu kỳ	-	675.311.099	675.311.099
Tăng trong kỳ	-	-	-
Giảm trong kỳ	-	-	-
Số cuối kỳ	-	675.311.099	675.311.099
Giá trị mòn lũy kế			
Số đầu kỳ	-	635.778.841	635.778.841
Tăng trong kỳ	-	39.532.258	39.532.258
<i>Khấu hao trong kỳ</i>	-	39.532.258	39.532.258
Giảm trong kỳ	-	-	-
Số cuối kỳ	-	675.311.099	675.311.099
Giá trị còn lại			
Số đầu kỳ	-	39.532.258	39.532.258
Số cuối kỳ	-	-	-

8. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	31/12/2016	31/12/2015
Bất động sản đầu tư (KCN An Lưu)	8.910.019.214	8.910.019.214
Dự án Khoáng sản	-	1.735.222.514
Dự án tái chế nhựa	-	86.358.000
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang khác	-	272.025.083
Cộng	8.910.019.214	11.003.624.811

9. Đầu tư vào Công ty con

	31/12/2016	31/12/2015
Công ty CP Khoáng sản Quảng Nam	627.052.302.659	60.000.000.000
Công ty CP Công nghiệp Cao su Quảng Nam	200.000.000.000	200.000.000.000
Công ty CP Phát triển BĐS Tây Hồ Tây	-	-
Cộng	827.052.302.659	260.000.000.000

10. Đầu tư vào Công ty liên kết

	31/12/2016	31/12/2015
Cty CP Thủy sản Viễn Đông	-	-
Cổ phiếu Công ty CP Cao su Sao Vàng	-	115.240.643.620
Công ty CP Phát triển BĐS Tây Hồ Tây	633.340.400.000	49.000.000.000
Cộng	633.340.400.000	164.240.643.620
Dự phòng giảm giá cổ phiếu (i)	-	-
Đầu tư vào công ty liên kết thuần	633.340.400.000	164.240.643.620

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CAO SU QUẢNG NAM

Thôn Phú Sơn; Xã Ba; Huyện Đông Giang; Tỉnh Quảng Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Cho kỳ tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

11. Vay và nợ ngắn hạn

	<u>31/12/2016</u>	<u>31/12/2015</u>
Vay ngắn hạn	-	59.496.217.767
Vay ký quỹ	-	59.496.217.767
Cộng	-	59.496.217.767

12. Phải trả người bán ngắn hạn

	<u>31/12/2016</u>	<u>31/12/2015</u>
Phải trả người bán ngắn hạn	1.590.941.848	2.256.466.615
Phải trả người bán dài hạn	-	-
Phải trả người bán là các bên liên quan	-	-
Cộng	1.590.941.848	2.256.466.615

13. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	<u>31/12/2016</u>	<u>31/12/2015</u>
Thuế thu nhập doanh nghiệp	260.514.841	8.692.218.531
Thuế thu nhập cá nhân	15.448.404	13.145.145
Các khoản phí; lệ phí và các khoản phải nộp khác	521.189.011	39.051.250
Cộng	797.152.256	8.744.414.926

14. Chi phí phải trả

	<u>31/12/2016</u>	<u>31/12/2015</u>
Lãi vay phải trả	-	-
Chi phí phải trả khác	59.671.511	150.000.000
Cộng	59.671.511	150.000.000

15. Các khoản phải trả phải; phải nộp ngắn hạn khác

	<u>31/12/2016</u>	<u>31/12/2015</u>
Kinh phí công đoàn	49.996.908	49.433.158
Bảo hiểm xã hội; y tế; TN	13.533.256	-
Các khoản phải trả; phải nộp khác	152.072.268	580.647.316
Cộng	215.602.432	630.080.474

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CAO SU QUẢNG NAM

Thôn Phú Sơn; Xã Ba; Huyện Đông Giang; Tỉnh Quảng Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Cho kỳ tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

16. Vốn chủ sở hữu

Tình hình biến động vốn chủ sở hữu trong năm như sau:

Chỉ tiêu	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
Số đầu năm trước	750.000.000.000	49.844.528.000	-	34.636.010.377	834.480.538.377
Tăng trong năm	750.000.000.000	(177.900.000)	(32.582.949.816)	-	749.822.100.000
Tăng vốn trong năm	750.000.000.000	-	(32.582.949.816)	-	717.417.050.184
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	85.269.505.286	85.269.505.286
Giảm trong năm	-	-	-	(1.000.000.000)	(1.000.000.000)
Số cuối năm trước/Số đầu năm nay	1.500.000.000.000	49.666.628.000	(32.582.949.816)	118.905.515.663	1.635.989.193.847
Tăng trong kỳ	-	-	-	934.599.168	934.599.168
Tăng vốn trong kỳ	-	-	-	-	-
Lợi nhuận trong kỳ	-	-	-	934.599.168	934.599.168
Giảm trong kỳ	-	-	-	-	-
Số cuối kỳ	1.500.000.000.000	49.666.628.000	(32.582.949.816)	119.840.114.831	1.636.923.793.015

Cổ phiếu

	31/12/2016	31/12/2015
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành		
Số lượng cổ phiếu đã chào bán ra công chúng	150.000.000	150.000.000
Cổ phiếu phổ thông	150.000.000	150.000.000
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	4.010.230	4.010.230
Cổ phiếu phổ thông	-	-
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	145.989.770	145.989.770
Cổ phiếu phổ thông	150.000.000	150.000.000
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Cổ phiếu quỹ	4.010.230	4.010.230

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng/ cổ phiếu.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CAO SU QUẢNG NAM

Thôn Phú Sơn; Xã Ba; Huyện Đông Giang; Tỉnh Quảng Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Cho kỳ tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Quý IV		Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
	Năm 2016	Năm 2015	Năm 2016	Năm 2015
Tổng doanh thu	4.498.800.000	215.855.755.000	969.746.050.000	496.496.068.900
Trong đó:				
Doanh thu bán hàng	4.498.800.000	215.855.755.000	969.746.050.000	496.352.151.350
Doanh thu cung cấp dịch vụ	-	-	-	-
Các khoản giảm trừ doanh thu	-	-	-	-
Hàng bán bị trả lại	-	-	-	-
Doanh thu thuần	4.498.800.000	215.855.755.000	969.746.050.000	496.496.068.900

2. Giá vốn hàng bán

	Quý IV		Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
	Năm 2016	Năm 2015	Năm 2016	Năm 2015
Giá vốn hàng bán	4.467.704.000	216.038.474.000	970.018.204.000	496.352.151.350
Giá vốn dịch vụ	-	-	-	-
Cộng	4.467.704.000	216.038.474.000	970.018.204.000	496.352.151.350

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Quý IV		Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
	Năm 2016	Năm 2015	Năm 2016	Năm 2015
Lãi tiền gửi; cho vay	3.053.388	8.532.833.080	12.681.990.319	13.268.774.484
Lãi CLTG đã thực hiện	-	432.080	-	-
Cổ tức; lợi nhuận được chia	-	-	3.418.696.000	55.467.569.000
Lãi từ chuyển nhượng vốn	14.417.030.700	500.000.000	37.825.947.380	45.922.950.000
Chiết khấu thanh toán	-	-	-	-
Cộng	14.420.084.088	9.033.265.160	53.926.633.699	114.659.293.484

4. Chi phí tài chính

	Quý IV		Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
	Năm 2016	Năm 2015	Năm 2016	Năm 2015
Chi phí lãi vay	80.807.077	1.782.444.621	5.322.839.169	6.271.163.803
Lỗ CLTG đã thực hiện	-	177.244	-	177.244
Lỗ do bán chứng khoán	(1.682.980.300)	1.233.137.478	25.134.615.995	5.168.482.000
Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư	300.273.270	(18.487.212.777)	300.273.270	757.967.550
Chi phí tài chính khác	19.853.895	581.241.562	396.352.106	3.143.822.501
Cộng	(1.282.046.058)	(14.890.211.872)	31.154.080.540	15.341.613.098

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CAO SU QUẢNG NAM

Thôn Phú Sơn; Xã Ba; Huyện Đông Giang; Tỉnh Quảng Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Cho kỳ tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

5. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Quý IV/2016	Quý IV/2015
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	528.858.927	21.492.921.486
Điều chỉnh tăng	5.430.536.968	1.251.441.346
Điều chỉnh giảm	-	546.756.000
Lỗi các năm trước chuyển sang	-	-
Tổng thu nhập chịu thuế	5.959.395.895	22.197.606.832
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	1.191.879.179	4.883.473.503
Thuế thu nhập doanh nghiệp được giảm	-	-
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	1.191.879.179	4.883.473.503

6. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Việc tính toán lãi trên cổ phiếu cơ bản được thực hiện trên cơ sở các số liệu sau:

	Quý IV/2016	Quý IV/2015
Lợi nhuận kế toán sau thuế	(663.020.252)	16.609.447.983
Các điều chỉnh để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	-	-
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông		
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong kỳ	150.000.000	150.000.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	(4)	111

7. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố:

	Quý IV/2016	Quý IV/2015
Chi phí nguyên liệu; vật liệu	-	21.439.345
Chi phí nhân công	357.678.777	345.673.943
Chi phí khấu hao tài sản cố định	41.855.406	241.535.652
Chi phí dịch vụ mua ngoài	65.352.800	319.619.427
Chi phí khác	14.856.403.701	6.067.029.950
Cộng	15.321.290.684	2.972.935.493

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Thông tin về các bên liên quan

<u>Bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>
Công ty CP Khoáng sản Quảng Nam	Công ty con
Công ty CP Công nghiệp cao su Quảng Nam	Công ty con

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CAO SU QUẢNG NAM

Thôn Phú Sơn; Xã Ba; Huyện Đông Giang; Tỉnh Quảng Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Cho kỳ tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

Giao dịch với các bên liên quan

Bên liên quan	Nội dung nghiệp vụ	Giá trị (VND)
Công ty CP Công nghiệp cao su Quảng Nam	Phải thu khác	110.014.003
Công ty CP Khoáng sản Quảng Nam	Phải thu khác	700.000.000

Thu nhập của Ban Tổng Giám đốc Công ty trong năm như sau:

	Quý IV/2016	Quý IV/2015
Lương; thưởng	120.000.000	120.000.000
Cộng	120.000.000	120.000.000

2. Báo cáo bộ phận

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý. Báo cáo bộ phận chủ yếu theo lĩnh vực kinh doanh

Thông tin bộ phận theo khu vực địa lý

Công ty có hoạt động kinh doanh thương mại tại trụ sở chính của công ty mẹ là tỉnh Quảng Nam

Thông tin bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

	Sẵn	Phân bổ	Hóa chất	Tổng cộng
KẾT QUẢ KINH DOANH				
Doanh thu thuần từ bán hàng	4.498.800.000	594.881.200.000	370.366.050.000	969.746.050.000
Giá vốn hàng hóa đã bán	4.467.704.000	594.748.500.000	370.802.000.000	970.018.204.000
Lợi nhuận gộp từ hoạt động kinh doanh	31.096.000	132.700.000	-435.950.000	-272.154.000
Chi phí không phân bổ	-	-	-	-
Doanh thu tài chính	-	-	-	-
Chi phí tài chính	-	-	-	-
Thu nhập khác	-	-	-	-
Chi phí khác	-	-	-	-
Lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh liên kết	-	-	-	-
Lợi nhuận kế toán trước thuế TNDN	-	-	-	-
Chi phí thuế TNDN	-	-	-	-
Lợi nhuận sau thuế	-	-	-	-
TÀI SẢN				
Tài sản bộ phận	430.061.127	56.867.448.971	35.405.005.990	92.702.516.088
Tài sản không phân bổ	-	-	-	1.552.859.549.798
Tổng tài sản	-	-	-	1.645.562.065.886
NỢ PHẢI TRẢ				
Nợ phải trả bộ phận	6.146.381	812.742.573	506.003.983	1.324.892.937
Nợ phải trả không phân bổ	-	-	-	7.313.379.934
Tổng nợ phải trả	-	-	-	8.638.272.871

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CAO SU QUẢNG NAM

Thôn Phú Sơn; Xã Ba; Huyện Đông Giang; Tỉnh Quảng Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Cho kỳ tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

3. Giải trình chênh lệch kết quả hoạt động kinh doanh Quý IV/2016 do với cùng kỳ năm trước:

Đơn vị tính: VND

	Quý IV/2016	Quý IV/2015	Chênh lệch	% tăng/giảm
Lợi nhuận sau thuế	(663.020.252)	16.609.447.983	(17.272.468.235)	(104)
Doanh thu hoạt động tài chính	14.420.084.088	9.033.265.160	5.386.818.928	60
Chi phí tài chính	(1.282.046.058)	(14.890.211.872)	13.608.165.814	(91)

Lợi nhuận sau thuế của Quý IV/2016 lỗ 663.022.252 đồng; giảm hơn 17 tỷ so với Quý IV/2015; nguyên nhân chủ yếu là do chi phí tài chính Quý IV/2016 cao hơn 13.6 tỷ so với Quý IV/2015 trong khi đó doanh thu tài chính chỉ tăng gần 5.4 tỷ đồng; chi phí tài chính Quý IV/2015 giảm chủ yếu là do việc hoàn nhập trích lập dự phòng đầu tư chứng khoán.

4. Công cụ tài chính

Quản lý rủi ro vốn

Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ thuần (bao gồm các khoản vay như đã trình bày tại Thuyết minh số V.12 trừ đi tiền và các khoản tương đương tiền) và phần vốn thuộc sở hữu của các cổ đông (bao gồm vốn đầu tư của chủ sở hữu và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính và công nợ tài chính được trình bày tại Thuyết minh số IV.3.

Các loại công cụ tài chính

	Giá trị sổ sách	
	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	1.434.940.190	389.875.883.851
Đầu tư ngắn hạn	86.000.000	9.610.311.000
Phải thu khách hàng	38.365.981.135	150.515.303.746
Các khoản phải thu khác	73.262.411.621	264.848.733.897
Ký quỹ dài hạn	33.000.000	33.000.000
Cộng	113.182.332.946	814.883.232.494
Nợ phải trả tài chính		
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	-	59.496.217.767
Phải trả người bán	1.590.941.848	2.256.466.615
Cộng	1.590.941.848	61.752.684.382

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư 210/2009/TT-BTC ngày 6 tháng 11 năm 2009 cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CAO SU QUẢNG NAM

Thôn Phú Sơn; Xã Ba; Huyện Đông Giang; Tỉnh Quảng Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Cho kỳ tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế.

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Công ty đã xây dựng hệ thống quản lý rủi ro nhằm phát hiện và đánh giá các rủi ro mà Công ty phải chịu, thiết lập các chính sách và quy trình kiểm soát rủi ro ở mức chấp nhận được. Hệ thống quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của điều kiện thị trường và hoạt động của Công ty.

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (rủi ro ngoại tệ (rủi ro tỷ giá), rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường bao gồm 3 loại: rủi ro ngoại tệ, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá.

Công ty không có rủi ro ngoại tệ do hoạt động kinh doanh đồ gia dụng, các hoạt động xây dựng và khai thác khoáng sản ở trong nước (Khu vực phía Bắc) được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ kế toán là VND.

Quản lý rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường.

Công ty chịu rủi ro lãi suất trọng yếu phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Công ty chịu rủi ro lãi suất khi Công ty vay vốn theo lãi suất thả nổi và lãi suất cố định. Rủi ro này sẽ do Công ty quản trị bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản vay lãi suất cố định và lãi suất thả nổi.

Quản lý rủi ro về giá của cổ phiếu

Rủi ro về giá của cổ phiếu là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của các cổ phiếu sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường ngoài thay đổi của lãi suất và tỷ giá hối đoái.

Rủi ro về giá cổ phiếu

Các cổ phiếu đã niêm yết và chưa niêm yết do Công ty nắm giữ có thể bị ảnh hưởng bởi các rủi ro thị trường phát sinh từ tính không chắc chắn về giá trị tương lai của cổ phiếu đầu tư. Công ty quản lý rủi ro về giá cổ phiếu bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư và đa dạng hóa danh mục đầu tư. Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc của Công ty cũng xem xét và phê duyệt các quyết định đầu tư vào cổ phiếu như ngành, nghề kinh doanh, công ty đầu tư... Theo tình hình thị trường hiện nay, Công ty đánh giá giá rủi ro về giá cổ phiếu là không đáng kể.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty.

Công ty có các rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (các khoản đầu tư cổ phiếu ngắn hạn, các khoản cho vay ngắn hạn, tiền gửi ngân hàng...).

Phải thu khách hàng

Hoạt động kinh doanh của Công ty hiện nay chủ yếu được chia làm 3 hoạt động chính: lĩnh vực thương mại (mua bán đồ gia dụng); chủ yếu thu tiền ngay; hoạt động xây dựng và khai thác khoáng sản; Công ty thực hiện giao thầu thi công, khai thác cho đơn vị bên ngoài do đó công nợ phải thu khách hàng tương ứng với công nợ

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CAO SU QUẢNG NAM

Thôn Phú Sơn; Xã Ba; Huyện Đông Giang; Tỉnh Quảng Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Cho kỳ tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

phải trả nhà thầu, đơn vị khai thác bên ngoài, điều kiện thanh toán theo tiến độ công việc hoàn thành. Công ty tin tưởng rằng không có rủi ro tín dụng trọng yếu đối với khoản phải thu khách hàng.

Các khoản cho vay ngắn hạn

Công ty cho các cá nhân vay, mượn tiền trong vòng 1 năm với lãi suất 10.5%/năm. Công ty đánh giá các khoản cho vay này đều trong hạn và không bị suy giảm vì liên quan đến các cá nhân có uy tín và có khả năng thanh toán tốt.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Phần lớn tiền gửi ngân hàng của Công ty được gửi tại các ngân hàng lớn, có uy tín ở Việt Nam. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn và không thể thực hiện các nghĩa vụ liên quan đến các khoản nợ tài chính.

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Các Bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với tài sản tài chính và công cụ nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Các Bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của tài sản tài chính và dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
Số cuối kỳ				
Vay và nợ thuê tài chính	-	-	-	-
Phải trả người bán	1.590.941.848	-	-	1.590.941.848
Cộng	1.590.941.848	-	-	1.590.941.848
Số cuối kỳ				
Tiền và các khoản TĐ tiền	1.434.940.190	-	-	1.434.940.190
Đầu tư ngắn hạn	86.000.000	-	-	86.000.000
Phải thu khách hàng	38.365.981.135	-	-	38.365.981.135
Các khoản phải thu khác	73.262.411.621	-	-	73.262.411.621
Ký quỹ ngắn hạn	33.000.000	-	-	33.000.000
Cộng	113.182.332.946	-	-	113.182.332.946
Chênh lệch thanh khoản thuần cuối kỳ	111.591.391.098	-	-	111.591.391.098
Số đầu kỳ				
Vay và nợ thuê tài chính	64.118.433.764	-	-	64.118.433.764

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CAO SU QUẢNG NAM

Thôn Phú Sơn; Xã Ba; Huyện Đông Giang; Tỉnh Quảng Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Cho kỳ tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
Phải trả người bán	2.025.932.748	-	-	2.025.932.748
Cộng	66.144.366.512	-	-	66.144.366.512
Số đầu kỳ				
Tiền và các khoản TĐ tiền	389.875.883.851	-	-	389.875.883.851
Đầu tư ngắn hạn	9.610.311.000	-	-	9.610.311.000
Phải thu khách hàng	150.515.303.746	-	-	150.515.303.746
Các khoản phải thu khác	264.848.733.897	-	-	264.848.733.897
Ký quỹ ngắn hạn	33.000.000	-	-	33.000.000
Cộng	814.883.232.494	-	-	814.883.232.494
Chênh lệch thanh khoản thuần đầu kỳ	748.738.865.982	-	-	748.738.865.982

Ban Tổng Giám đốc đánh giá mức tập trung rủi ro thanh toán ở mức thấp. Ban Tổng Giám đốc tin rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính đáo hạn.

4. Thông tin so sánh

Một số số liệu của kỳ báo cáo trước được phân loại lại để phù hợp với việc so sánh với số liệu của kỳ này.

Quảng Nam; ngày 24 tháng 01 năm 2017



VŨ ANH TUẤN
Tổng Giám đốc

LÊ KHIẾU PHƯƠNG
Kế toán trưởng

TRƯƠNG VĂN THỊNH
Người lập biểu